

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(06 THÁNG)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.774	5.872	42,63	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.774	5.872	42,63	
1	Chi quản lý hành chính	13.774	5.872	42,63	
	011 - Quốc phòng	4.331	2.355	54,39	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4.331	2.355	54,39	
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.383	380	27,47	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.383	380	27,47	
	341 - Quản lý nhà nước	6.887	2.559	37,16	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.462	1.428	41,24	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	3.425	1.132	33,04	
	362 - Hỗ trợ các tổ chức xã hội	1.173	577	49,23	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.173	577	49,23	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Võ Minh Hoàng

**THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
CỦA VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ MỸ HÒA HƯNG
(TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2026)**



Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Văn phòng HĐND – UBND công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu của Văn phòng HĐND - UBND được giao thực hiện năm 2026: 0 đồng.
2. Dự toán thu phí, lệ phí của Văn phòng HĐND - UBND ước thực hiện đến hết 6 tháng đầu năm 2026: 0 đồng.
3. Ước thực hiện đến 6 tháng năm 2026: 0 đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2026 là 13.773.955.800 đồng (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang) bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 3.461.664.224 đồng.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 3.249.291.576 đồng.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362): 1.173.000.000 đồng.
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 1.383.000.000 đồng.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 4.331.000.000 đồng.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 176.000.000 đồng.
2. Lũy kế giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 là 5.946.060.324 đồng đạt 43.17% dự toán năm, bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 1.481.409.548 đồng đạt 42.79%.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 1.131.781.353 đồng đạt 34.84%.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362) : 577.498.860 đồng đạt 49.19% .
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 379.936.000 đồng đạt 27.4%.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 2.375.434.563 đồng đạt 54.84%.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 0 đồng.